

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc ban hành Quy định quản lý một số chi phí dịch vụ sự nghiệp công;
sản phẩm, dịch vụ công ích đô thị trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NINH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 77/2015/QH13 ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 80/2015/QH13 ngày 22/6/2015;

Căn cứ Luật Đấu thầu số 43/2013/QH13 ngày 26/11/2013;

Căn cứ Nghị định 32/2019/NĐ-CP ngày 10/4/2019 của Chính phủ quy định giao nhiệm vụ, đặt hàng hoặc đấu thầu cung cấp sản phẩm, dịch vụ công sử dụng ngân sách nhà nước từ nguồn kinh phí chi thường xuyên;

Căn cứ Nghị định số 38/2015/NĐ-CP ngày 24/4/2015 của Chính phủ về quản lý chất thải và phế liệu;

Căn cứ Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13/5/2019 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Nghị định số 23/2016/NĐ-CP ngày 05/4/2016 của Chính phủ về xây dựng, quản lý, sử dụng nghĩa trang và cơ sở hỏa táng;

Căn cứ Thông tư 31/2014/TT-BGTVT ngày 05/8/2014 của Bộ Giao thông Vận tải hướng dẫn đấu thầu, đặt hàng sản xuất và cung ứng sản phẩm, dịch vụ công ích quản lý, bảo trì đường bộ sử dụng Quỹ bảo trì đường bộ trung ương;

Căn cứ Thông tư số 26/2015/TT-BLĐTBXH ngày 17/4/2016 của Bộ Lao động – Thương binh và xã hội hướng dẫn xác định tiền lương trong giá sản phẩm, dịch vụ công ích sử dụng vốn ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 07/2017/TT-BXD ngày 15/5/2017 của Bộ Xây dựng hướng dẫn phương pháp xác định giá dịch vụ xử lý chất thải rắn sinh hoạt.

Căn cứ Thông tư số 08/2017/TT-BXD ngày 16/5/2017 của Bộ Xây dựng quy định về quản lý chất thải rắn xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 38/2017/TT-BGTVT ngày 01/11/2017 của Bộ Giao thông vận tải về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 31/2014/TT-BGTVT ngày 08/4/2014 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải hướng dẫn đấu thầu, đặt hàng sản xuất và cung ứng sản phẩm, dịch vụ công ích quản lý, bảo trì công trình đường bộ sử dụng quỹ bảo trì đường bộ Trung ương;

Căn cứ Thông tư số 14/2017/TT-BXD ngày 28/12/2017 của Bộ Xây dựng hướng dẫn xác định và quản lý chi phí dịch vụ công ích đô thị;

Căn cứ Thông tư số 13/2018/TT-BXD ngày 27/12/2018 của Bộ Xây dựng hướng dẫn phương pháp định giá dịch vụ thoát nước;

Căn cứ Thông tư số 14/2018/TT-BXD ngày 28/12/2018 của Bộ Xây dựng hướng dẫn phương pháp định giá dịch vụ nghĩa trang và dịch vụ hỏa táng;

Căn cứ Thông tư số 37/2018/TT-BGTVT ngày 07/6/2018 của Bộ Giao thông Vận tải quy định về quản lý, vận hành khai thác và bảo trì công trình đường bộ.

Căn cứ Thông tư số 15/2016/TT-BGTVT ngày 30/6/2016 của Bộ Giao thông Vận tải quy định về quản lý đường thủy nội địa.

Theo đề nghị của Sở Xây dựng tại tờ trình số: 413/TTr-SXD ngày 27/12/2019 và văn bản thẩm định số 312/BC-STP ngày 20/12/2019 của Sở Tư pháp,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định quản lý một số chi phí dịch vụ sự nghiệp công; sản phẩm, dịch vụ công ích đô thị trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh.

Điều 2. Giao Sở Xây dựng kiểm tra, quản lý việc thực hiện các quy định của Quyết định này.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 31/01/2020.

Quyết định này thay thế các Quyết định: Số 3637/2016/QĐ-UBND ngày 31/10/2016 của UBND tỉnh “V/v ban hành Quy định quản lý chi phí dịch vụ công ích đô thị và bảo dưỡng thường xuyên đường bộ, đường thủy nội địa sử dụng vốn ngân sách tỉnh Quảng Ninh và các dự án đầu tư theo hình thức đối tác công tư (PPP)”; số 08/2017/QĐ-UBND của UBND tỉnh ngày 20/9/2017 của UBND tỉnh về việc sửa đổi, bổ sung một số nội dung quy định tại Quyết định số 3637/2016/QĐ-UBND ngày 31/10/2016 của UBND tỉnh; số 1934/QĐ-UBND ngày 28/6/2016 của UBND tỉnh “V/v công bố chi phí quản lý chung trong đơn giá dịch vụ công ích đô thị và quản lý, bảo trì đường bộ, đường thủy nội địa trên địa bàn tỉnh”.

Điều 4: Các ông (bà): Chánh Văn phòng Đoàn ĐBQH, HĐND và UBND tỉnh; Thủ trưởng các sở, ban, ngành; Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố thuộc tỉnh và các tổ chức, cá nhân có liên quan căn cứ Quyết định thi hành./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Bộ Xây dựng (b/c);
- TT tỉnh uỷ, HĐND tỉnh (b/c);
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Trung tâm lưu trữ;
- Lưu VT; XD4.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

KT. CHỦ TỊCH

PHÓ CHỦ TỊCH



Cao Tường Huy

QUY ĐỊNH

Về quản lý một số chi phí dịch vụ sự nghiệp công; sản phẩm, dịch vụ công ích đô thị trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh

*(Ban hành kèm theo Quyết định số **44**/2019/QĐ-UBND
ngày **31** /12/2019 của UBND tỉnh Quảng Ninh)*

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Quy định này áp dụng trong việc quản lý một số chi phí dịch vụ sự nghiệp công; sản phẩm, dịch vụ công ích đô thị trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh gồm các lĩnh vực sau:

** Dịch vụ sự nghiệp công:*

- Thu gom, vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt;
- Thu gom, vận chuyển chất thải rắn xây dựng;
- Dịch vụ xử lý chất thải rắn xây dựng;
- Dịch vụ xử lý chất thải rắn sinh hoạt;
- Duy trì hệ thống chiếu sáng đô thị;
- Duy trì, phát triển hệ thống cây xanh đô thị, vườn hoa, công viên;
- Quản lý, bảo dưỡng thường xuyên đường bộ, đường thủy nội địa.

** Sản phẩm, dịch vụ công ích đô thị:*

- Dịch vụ thoát nước và xử lý nước thải;
- Dịch vụ tang lễ và nghĩa trang đô thị;

2. Đối tượng áp dụng là các tổ chức, cá nhân có liên quan đến quản lý chi phí dịch vụ sự nghiệp công; sản phẩm, dịch vụ công ích đô thị quy định tại khoản 1, Điều này.

3. Trường hợp công tác dịch vụ sự nghiệp công; sản phẩm, dịch vụ công ích đô thị có quy định, hướng dẫn riêng của Bộ Xây dựng, Bộ Giao thông Vận tải khác với quy định của Quyết định này thì áp dụng quy định của Bộ Xây dựng, Bộ Giao thông Vận tải.

Điều 2. Nguyên tắc xác định và quản lý chi phí

1. Chi phí để thực hiện các dịch vụ công, công ích đô thị được xác định phải đảm bảo tính đúng, tính đủ, phù hợp với quy trình kỹ thuật, điều kiện thực tế thực hiện, phù hợp với thị trường.

2. Chi phí thực hiện các dịch vụ công, công ích đô thị được xác định theo quy định này là cơ sở để các cơ quan quản lý nhà nước, các tổ chức, cá nhân xác định định mức, đơn giá và lập, thẩm định, phê duyệt dự toán chi phí dịch vụ công, công ích đô thị.

3. Việc quản lý chi phí dịch vụ công, công ích đô thị phải tuân thủ các quy định liên quan đến sản xuất và cung ứng các sản phẩm dịch vụ công, công ích hiện hành và phù hợp với điều kiện ngân sách của địa phương.

4. Thực hiện theo các nguyên tắc về quản lý chi phí, nguyên tắc về định giá dịch vụ công ích theo quy định.

Điều 3. Phương thức lựa chọn nhà thầu thực hiện

1. Áp dụng phương thức đấu thầu đối với các dịch vụ sau đây:

- Thu gom, vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt;
- Thu gom, vận chuyển chất thải rắn xây dựng;
- Duy trì hệ thống chiếu sáng đô thị;
- Duy trì, phát triển hệ thống cây xanh đô thị, vườn hoa, công viên;
- Duy trì hệ thống thoát nước;
- Quản lý, bảo dưỡng thường xuyên đường bộ, đường thủy nội địa.

2. Áp dụng phương thức đặt hàng đối với các dịch vụ sau đây:

- Dịch vụ xử lý nước thải;
- Dịch vụ xử lý chất thải rắn xây dựng;
- Dịch vụ xử lý chất thải rắn sinh hoạt;
- Dịch vụ tang lễ và nghĩa trang đô thị;
- Đối với các danh mục công việc phát sinh nhỏ lẻ, đột xuất... thuộc các dịch vụ công ích quy định tại khoản 1 Điều này nhưng chưa có trong danh mục công việc ghi trong kết quả trúng thầu thì UBND cấp huyện, các tổ chức được giao quản lý vốn quyết định việc đặt hàng dịch vụ công ích sau khi có ý kiến thống nhất của Sở Xây dựng.

3. Tổ chức đấu thầu dịch vụ sự nghiệp công; sản phẩm, dịch vụ công ích được thực hiện hàng năm hoặc trong khoảng thời gian tối đa không quá 03 năm. Trường hợp tổ chức đấu thầu cho khoảng thời gian lớn hơn 01 năm, thì hàng năm UBND cấp huyện, các tổ chức được giao quản lý vốn phải tổ chức thương thảo, ký kết lại hợp đồng (hoặc phụ lục hợp đồng) trên cơ sở dự toán dịch vụ công ích được cơ quan nhà nước có thẩm quyền thẩm định và phê duyệt; đồng thời căn cứ vào kết quả nghiệm thu, giám sát chất lượng hàng năm để quyết định việc tiếp tục ký kết hoặc chấm dứt hợp đồng trước thời hạn nếu chất lượng dịch vụ do nhà thầu thực hiện không đảm bảo hoặc chất lượng của năm sau kém hơn các năm trước đó.

Điều 4. Xác định tổng dự toán, dự toán chi phí

1. Tổng dự toán chi phí dịch vụ sự nghiệp công; sản phẩm, dịch vụ công ích đô thị gồm: Dự toán chi phí dịch vụ sự nghiệp công; sản phẩm, dịch vụ công ích đô thị; chi phí giám sát, chi phí quản lý và chi phí dự phòng.

2. Dự toán chi phí dịch vụ sự nghiệp công; sản phẩm, dịch vụ công ích đô thị gồm: Chi phí trực tiếp (vật liệu, nhân công, máy thi công); chi phí sản xuất chung (quản lý chung); chi phí quản doanh nghiệp, đơn vị trực tiếp quản lý (hoặc lợi nhuận định mức); thuế giá trị gia tăng (nếu có); các chi phí khác theo hướng dẫn của Bộ Xây dựng, Bộ Giao thông Vận tải (nếu có).

3. Phương pháp xác định dự toán dịch vụ sự nghiệp công; sản phẩm, dịch vụ công ích thực hiện theo hướng dẫn của Bộ Xây dựng và Bộ Giao thông Vận tải.

4. Định mức dự toán; đơn giá; giá vật liệu, vật tư, nhiên liệu, nguyên liệu, năng lượng; đơn giá nhân công; giá ca máy và thiết bị thi công thực hiện theo công bố giá của các cơ quan có thẩm quyền công bố, ban hành và mặt bằng giá thị trường tại thời điểm lập dự toán.

5. Chi phí sản xuất chung (quản lý chung):

a. Đối với công tác thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn xây dựng; duy trì hệ thống chiếu sáng đô thị; duy trì, phát triển hệ thống cây xanh đô thị, vườn hoa, công viên:

Chi phí sản xuất chung (quản lý chung) tính bằng 40% chi phí nhân công trực tiếp; riêng công tác có chi phí sử dụng máy và thiết bị >60% chi phí trực tiếp, chi phí sản xuất chung (quản lý chung) bằng 4% chi phí sử dụng máy và thiết bị.

b. Đối với công tác Dịch vụ thoát nước và xử lý nước thải, chi phí sản xuất chung xác định như sau:

- Đối với dịch vụ duy trì hệ thống thoát nước: 25% chi phí nhân công trực tiếp.

- Đối với dịch vụ xử lý nước thải: 15% chi phí trực tiếp (bao gồm chi phí vật tư, nhân công và máy, thiết bị trực tiếp).

c. Đối với Dịch vụ tang lễ và nghĩa trang đô thị:

Chi phí sản xuất chung xác định bằng 18% của chi phí trực tiếp (bao gồm chi phí vật tư, nhân công, máy và thiết bị).

d. Đối với công tác Quản lý, bảo dưỡng thường xuyên đường bộ, đường thủy nội địa, chi phí sản xuất chung (quản lý chung) theo quy định của Bộ Xây dựng và Bộ Giao thông Vận tải.

6. Chi phí quản lý doanh nghiệp, đơn vị trực tiếp quản lý (hoặc lợi nhuận định mức; thu nhập chịu thuế tính trước) xác định bằng 4,5% của tổng chi phí sản xuất (bao gồm chi phí trực tiếp và chi phí sản xuất chung). Riêng đối với công tác Quản lý, bảo dưỡng thường xuyên đường bộ, đường thủy thu nhập chịu thuế tính trước áp dụng theo định mức tỷ lệ phần trăm (%) do Bộ Giao thông Vận tải, Bộ Xây dựng quy định.

Điều 5. Xác định chi phí giám sát và chi phí quản lý

1. Chi phí giám sát, quản lý dịch vụ sự nghiệp công; sản phẩm, dịch vụ công ích đô thị của các cơ quan quản lý nhà nước, tổ chức được giao quản lý vốn áp dụng đối với các dịch vụ sau: Thu gom, vận chuyển chất thải rắn sinh

hoạt, chất thải rắn xây dựng; duy trì hệ thống điện chiếu sáng; duy trì, phát triển hệ thống cây xanh đô thị và Quản lý, bảo dưỡng thường xuyên đường bộ, đường thủy nội địa.

2. Chi phí giám sát là các chi phí cần thiết để các cơ quan quản lý vốn chi trả cho các tổ chức, cá nhân giám sát việc thực hiện dịch vụ sự nghiệp công, công ích đô thị.

3. Chi phí quản lý là các chi phí cần thiết để UBND cấp huyện, các tổ chức được giao quản lý vốn thực hiện việc quản lý dịch vụ sự nghiệp công; sản phẩm, dịch vụ công ích đô thị. Chi phí quản lý bao gồm: Chi phí tư vấn khảo sát, đo vẽ, lập dự toán chi phí giúp cho công tác quản lý trong việc lập kế hoạch, lập dự toán ngân sách thực hiện hàng năm (chi phí thiết kế đối với công tác bảo dưỡng thường xuyên đường bộ, đường thủy); các chi phí phục vụ tổ chức đấu thầu, đặt hàng; các chi phí khác phục vụ công tác quản lý của cơ quan được giao quản lý vốn.

4. Chi phí giám sát và chi phí quản lý dịch vụ sự nghiệp công, công ích đô thị được xác định bằng phương pháp lập dự toán. Riêng đối với danh mục Quản lý, bảo dưỡng thường xuyên đường bộ, đường thủy nội địa được xác định theo tỷ lệ phần trăm (%). Phương pháp lập dự toán, định mức tỷ lệ phần trăm (%) thực hiện theo hướng dẫn của Bộ Xây dựng về định mức chi phí quản lý dự án và tư vấn đầu tư xây dựng.

5. UBND cấp huyện và các tổ chức căn cứ vào ngân sách địa phương, nguồn vốn được giao, căn cứ vào mô hình quản lý cụ thể tại đơn vị để quyết định việc lập, phê duyệt và chi trả chi phí giám sát, chi phí quản lý trong nguồn kinh phí thực hiện sự nghiệp công, công ích đô thị hoặc giao cho các cơ quan, đơn vị chuyên môn thực hiện việc quản lý, giám sát theo hình thức kiêm nhiệm sử dụng từ các nguồn kinh phí khác để thực hiện theo nguyên tắc công khai, minh bạch, hiệu quả, tiết kiệm chống thất thoát, lãng phí.

Điều 6. Xác định chi phí dự phòng

1. Chi phí dự phòng để dự trù kinh phí cho khối lượng phát sinh ngoài kế hoạch theo định kỳ hoặc nhiệm vụ đột xuất do cơ quan nhà nước có thẩm quyền giao và yếu tố trượt giá do sự thay đổi về các định mức, đơn giá.

2. Chi phí dự phòng được xác định bằng tỷ lệ phần trăm (%) trên tổng chi phí dịch vụ công ích và chi phí khác. Tỷ lệ chi phí dự phòng xác định tối đa bằng 10%.

3. Trong trường hợp đặc biệt, như: Thiên tai, động đất, lũ lụt,... chi phí dự phòng không đủ để triển khai thực hiện thì UBND cấp huyện, các tổ chức được giao quản lý vốn chủ động lập, thẩm định, phê duyệt bổ sung theo quy định.

Điều 7. Thẩm quyền xác định, thẩm định và phê duyệt Tổng dự toán, Dự toán chi phí

1. UBND các huyện, thị xã, thành phố; các tổ chức được giao quản lý vốn hàng năm tổ chức lập tổng dự toán dịch vụ sự nghiệp công; sản phẩm, dịch vụ công ích đô thị trình Sở Xây dựng thẩm định để làm cơ sở phê duyệt theo quy định.

2. Đối với các hạng mục công việc phát sinh về khối lượng; danh mục công việc phát sinh đột xuất do thiên tai, động đất, bão lũ... thì UBND các huyện, thị xã, thành phố, các tổ chức được giao quản lý vốn chủ động lập, thẩm định và phê duyệt theo quy định.

Điều 8. Quản lý định mức

1. Phương pháp lập định mức dự toán dịch vụ sự nghiệp công; sản phẩm, dịch vụ công ích đô thị thực hiện theo hướng dẫn của Bộ Xây dựng.

2. Đối với các danh mục công tác chưa có trong hệ thống định mức hoặc đã có nhưng chưa phù hợp với thực tế tại địa phương: UBND các huyện, thị xã, thành phố; các tổ chức được giao quản lý vốn tổ chức xây dựng hoặc điều chỉnh định mức, trình Sở Xây dựng thẩm định và công bố để làm cơ sở áp dụng.

3. Sở Xây dựng có trách nhiệm phối hợp với các đơn vị xin ý kiến thống nhất của Bộ Xây dựng theo quy định của Bộ Xây dựng (nếu có). Đồng thời, hàng năm gửi danh mục các định mức điều chỉnh, định mức mới về Bộ Xây dựng để theo dõi, quản lý.

Điều 9. Quản lý giá, đơn giá

1. Giá, đơn giá dịch vụ sự nghiệp công; sản phẩm, dịch vụ công ích đô thị thực hiện theo quy định của Bộ Xây dựng.

2. Quản lý đơn giá thu gom, vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt và chất thải rắn xây dựng; duy trì hệ thống chiếu sáng đô thị; duy trì, phát triển hệ thống cây xanh đô thị, vườn hoa, công viên; duy trì hệ thống thoát nước đô thị:

- Sở Xây dựng tổ chức xây dựng, trình UBND tỉnh ban hành các Bộ đơn giá thu gom, vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt và chất thải rắn xây dựng; duy trì hệ thống chiếu sáng đô thị; duy trì, phát triển hệ thống cây xanh đô thị, vườn hoa, công viên; duy trì hệ thống thoát nước đô thị trên địa bàn tỉnh.

- Đối với các đơn giá chưa có trong các Bộ đơn giá hoặc đã có nhưng chưa phù hợp với thực tế: UBND các huyện, thị xã, thành phố; các tổ chức được giao quản lý vốn tổ chức xây dựng hoặc điều chỉnh đơn giá, trình Sở Xây dựng thẩm định và công bố để làm cơ sở áp dụng.

3. Quản lý giá Dịch vụ tang lễ và nghĩa trang đô thị:

- Đối với các nghĩa trang, cơ sở hỏa táng được đầu tư từ nguồn vốn ngân sách nhà nước: Sở Xây dựng phối hợp với chủ đầu tư tổ chức lập, gửi Sở Tài chính thẩm định trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt giá dịch vụ nghĩa trang, dịch vụ hỏa táng.

- Đối với nghĩa trang, cơ sở hỏa táng được đầu tư từ nguồn vốn ngoài ngân sách nhà nước: Chủ đầu tư lập và phê duyệt giá chuyển nhượng quyền sử dụng phần mộ cá nhân và giá dịch vụ nghĩa trang, dịch vụ hỏa táng trình Sở Xây dựng, thẩm định để báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh chấp thuận trước khi phê duyệt.

4. Quản lý giá dịch vụ xử lý nước thải:

- Đối với hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt được đầu tư từ ngân sách nhà nước: Sở Xây dựng chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan xây dựng phương án giá dịch vụ xử lý nước thải, gửi Sở Tài chính tổ chức thẩm định trình Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định.

- Đối với hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt được đầu tư từ các nguồn vốn khác: Chủ sở hữu hệ thống thoát nước tổ chức lập, trình Sở Tài chính chủ trì, phối hợp với Sở Xây dựng thẩm định và trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt.

- Đối với hệ thống xử lý nước thải trong khu công nghiệp: Giá dịch vụ thoát nước do chủ đầu tư kinh doanh, phát triển hạ tầng khu công nghiệp thỏa thuận với các chủ đầu tư trong khu công nghiệp và quyết định về mức giá. Trước khi quyết định phải có ý kiến thỏa thuận của Sở Xây dựng và Sở Tài chính.

5. Quản lý giá xử lý chất thải rắn sinh hoạt:

- Đối với cơ sở xử lý chất thải rắn sinh hoạt được đầu tư từ ngân sách nhà nước, Sở Xây dựng phối hợp với cơ quan liên quan tổ chức lập phương án giá gửi Sở Tài chính thẩm định trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt.

- Đối với cơ sở xử lý chất thải rắn sinh hoạt được đầu tư từ các nguồn vốn ngoài ngân sách nhà nước, chủ đầu tư lập và trình phương án giá, Sở Tài chính chủ trì phối hợp với các cơ quan liên quan thẩm định, trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt.

6. Quản lý giá xử lý chất thải rắn xây dựng:

- Đối với cơ sở xử lý được đầu tư từ ngân sách nhà nước, chủ xử lý chất thải rắn xây dựng trình Sở Tài chính chủ trì, phối hợp với Sở Xây dựng thẩm định, trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt.

- Đối với cơ sở xử lý được đầu tư từ nguồn vốn ngoài ngân sách nhà nước, chủ đầu tư tổ chức lập và phê duyệt phương án giá sau khi có ý kiến thống nhất của Sở Xây dựng.

Điều 10. Đơn giá nhân công dịch vụ sự nghiệp công; sản phẩm, dịch vụ công ích đô thị

1. Nội dung, phương pháp tính đơn giá nhân công dịch vụ sự nghiệp công; sản phẩm, dịch vụ công ích đô thị thực hiện theo hướng dẫn của Bộ Lao động Thương binh và Xã hội và Bộ Xây dựng.

2. Sở Xây dựng chủ trì phối hợp với các cơ quan liên quan tổ chức khảo sát, xác định và công bố đơn giá nhân công dịch vụ sự nghiệp công; sản phẩm dịch vụ công ích.

3. Đối với đơn giá nhân công chưa được công bố hoặc đã được công bố nhưng chưa phù hợp với điều kiện thực tế, tổ chức được giao quản lý vốn tổ chức tính toán, xác định gửi về Sở Xây dựng thẩm định, công bố bổ sung để làm cơ sở áp dụng.

Điều 11. Xử lý chuyển tiếp

1. Đối với các dịch vụ sự nghiệp công; sản phẩm, dịch vụ công ích đô thị đã được phê duyệt và đã tổ chức đấu thầu, đặt hàng trước ngày Quyết định này có hiệu lực thì tiếp tục thực hiện theo các nội dung đã được phê duyệt.

2. Đối với các dịch vụ công ích đô thị chưa được phê duyệt hoặc đã phê duyệt nhưng chưa tổ chức đấu thầu, đặt hàng thì thực hiện theo các quy định của Quyết định này. Trường hợp đang tổ chức đấu thầu, đặt hàng trước ngày có hiệu lực thi hành của Quyết định nhưng chưa ký hợp đồng thì Tổ chức được giao quản lý vốn xem xét, quyết định.

3. Trong quá trình thực hiện nếu có vướng mắc, đề nghị các tổ chức, cá nhân phản ánh bằng văn bản về Sở Xây dựng xem xét, giải quyết./

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Cao Tường Huy